

danh từ mà thành tố trung tâm là danh từ

(xem tiếp trang 30)

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG HƯ TỪ TRONG THƠ THIÊN NHIÊN ĐỜI TRẦN

TRẦN THANH TUẤN

(Trường THPT Long Hiệp, Trà Cú, Trà Vinh)

1. Trong giáo trình *Cơ sở ngữ văn Hán - Nôm* (Tập 1), nhà nghiên cứu Hán ngữ Đặng Đức Siêu đã quan niệm: "*Hư từ nói chung là những từ chỉ có ý nghĩa ngữ pháp về đại thể bao gồm: giới từ, liên từ, trợ từ các loại*". Trần Văn Chánh trong cuốn *Sơ lược ngữ pháp Hán Văn* đã phân loại hư từ gồm 5 loại: phó từ, giới từ, liên từ, trợ từ, thán từ. Cổ văn xưa sử dụng hư từ rất nhiều bởi vì đó là những công cụ ngữ pháp quan trọng. Nó được dùng để diễn đạt tư duy phán đoán, suy lí, dùng để xác lập những quan hệ hoặc những tín hiệu ngắt câu (trong văn xuôi cổ ngày xưa người ta không dùng dấu chấm câu). Đó là những từ như: *Chi, hồ, giả, dã, hĩ, nhĩ, hựu, tương, dĩ...* Về quan niệm sử dụng hư từ trong thơ, các nhà lí luận cổ điển của Trung Quốc đã khá thống nhất với nhau ở một số điểm. Triệu Mạnh Phủ (đời Nguyên) cho rằng: "*Thơ mà dùng hư từ thì yếu*". Tạ Trăn, nhà bình luận đời Minh cũng nhấn mạnh: "*Dùng nhiều thực từ thì ý giản mà câu mạnh, dùng nhiều hư từ thì ý phồn mà lời yếu*". Như vậy trong quan niệm của các nhà lí luận cổ điển trên, việc vận dụng phổ biến thao tác tinh lược hư từ không giản đơn chỉ là vì yêu cầu kiệm lời mà chủ yếu xuất phát từ quan niệm về vẻ đẹp của lời nói hàm súc, cô đọng, giản dị. Trong thực tế, từ thơ Đường trở về sau và thơ chữ Hán của

văn học trung đại Việt Nam, hư từ được sử dụng rất hạn chế trong thơ. Hiếm lắm ta mới bắt gặp những *chi, hồ, giả, dã* trong Đường thi.:

Tá vấn bạch đầu ông

Thuyền vân kì thế dã ?

(Vương Xương Linh)

(Nhấn hỏi ông đầu bạc - Buông câu đó mấy đời ?)

Tự quân chi xuất hĩ,

Bất phục lí tân kì.

(*Tự quân chi xuất hĩ* - Trương Cửu Linh)

(Từ ngày chàng bước ra đi - cái khung dệt cửi chưa hề đứng tay)

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có những ý kiến tỏ ra kín kẽ hơn như Nguyễn Khắc Phi đã có những nhận xét xác đáng: "*Trong luật thi, vận dụng hư từ rất khó song nếu vận dụng thành công thì đó lại thường là những điểm sáng của bài thơ. Thực từ như máu thịt, như xương cốt, hư từ như gân khớp. Gân khớp linh động mới chuyển động nhanh được*"⁽¹⁾. Trong bài viết *Cái hay của thơ Đường*, nhà nghiên cứu Phan Ngọc đã có nhận xét: "*Vì mục đích của thơ Đường là nêu tính thống nhất cho nên tất cả những hư từ này có tác dụng giới thiệu sự đồng nhất đều được sử dụng*"⁽²⁾. Thế nên ta không thể phủ nhận có một hệ thống hư từ đã được sử

dụng trong Đường thi đã "đem lại cho người đọc một hứng thú không kém phần thú vị".

2. Thơ thiên nhiên đời Trần đã tiếp nhận hệ thống hư từ này và chúng đã tạo nên vẻ đẹp của ngôn từ trong thơ thiên nhiên khi ấy.

Hệ thống hư từ mà người viết muốn đề cập ở đây trước tiên là những hư từ như: dữ (與), tương (相), cộng (共). Có nghĩa đại khái là cùng nhau

Thân dữ cô vân trường luyện tụ,

Tâm đồng cỏ tỉnh bất sinh lan.

(Xuân đán - Chu Văn An)

(Thân ta cùng đám mây cô đơn mãi mãi lưu luyện hốc núi - Lòng giống như mặt giếng cổ, chẳng hề gợn sóng).

Câu thơ sử dụng *dữ* nhằm thể hiện sự đồng nhất, hoà nhập giữa thi nhân và thiên nhiên. Nhà thơ muốn sống cảnh nhàn dật nơi thâm sơn, ở đây chỉ có thiên nhiên và lòng người không còn vướng bận những nỗi lo toan của trần thế.

Một lần đến chùa Đông Sơn, Trần Minh Tông đã cảm tác bài *Đề Đông Sơn Tự*, trong hai câu thơ đầu như sau:

Vân tự thanh sơn sơn tự vân,

Vân sơn trường dữ lão tăng thân.

Trong câu thơ này *dữ* có vai trò như một chất keo nối kết hai hình ảnh mây núi vào vị sự già nhằm khắc họa không gian Thiền, không gian ẩn dật tiêu biểu của Thiền nhân. Trong thơ Nguyễn Khuyến ta cũng bắt gặp hình ảnh này:

Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá,

Sư cụ nằm chung với khói mây.

(Nhớ cảnh chùa Đọi)

Bên cạnh việc dùng *dữ*, thơ thiên nhiên đời Trần còn dùng *tương*, *cộng* để nêu lên quan hệ tương hỗ.

不

Dương liễu hoa thâm diệu ngữ trì,

Hoa đường thiêm ảnh mộ vân phi,

Khách lai bất vấn nhân gian sự,

Cộng ý lan can khán thúy vi.

(Xuân Cảnh - Trần Nhân Tông)

(Sâu trong khóm hoa dương liễu, chim hót chậm rãi - Dưới bóng thềm ngôi nhà chạm vẽ, mây chiều lướt bay - Khách đến chơi không hỏi việc người đời - Cùng dựa lan can ngắm màu xanh của chân trời).

"Con người vô ngôn" là hình ảnh nổi bật trong thơ thiên nhiên đời Trần. Các thi nhân đề cao sự trực cảm, bác bỏ sự suy luận lí trí nên họ xem thường ngôn ngữ, bởi ngôn ngữ hữu hạn không thể diễn đạt được chân lí vô cùng. Họ chủ trương con đường duy nhất đạt được chân lí là sự chứng nghiệm của bản thân chứ không thể thay thế bằng sự học hỏi qua những lời diễn giải, thuyết minh. Ở bài thơ này ta thấy khách và chủ vốn đều là những "con người vô ngôn", họ không trò chuyện. Nhưng thực chất họ đã nói với nhau rất nhiều. Điều đó đã được thể hiện qua hư từ *cộng*. *Cộng* thể hiện sự hoà nhập, hoà hợp giữa hai tâm hồn với nhau đồng thời giữa hai tâm hồn ấy với thiên nhiên tạo vật. Cả khách - chủ đều đã đạt được sự đại ngộ bởi khi họ đã cùng bình tâm, tâm đã tĩnh từ đó mà họ có thể chiêm nghiệm lẽ đời, những "nhân gian sự" từ thiên nhiên ngoại vật.

Thiền sư Huyền Quang viết trong *Hoá châu tác*

Hải thiên thảo mộc cộng sầu ngâm

(Cây cỏ trời biển cùng ta ngâm nga nỗi buồn).

Nguyên tác tìm kiếm mối giao hoà giữa con người và thiên nhiên là cấu tứ phổ biến trong thơ thiên nhiên đời Trần. Ở câu thơ này, con người và thiên nhiên có sự đồng cảm sâu sắc cùng vui, cùng buồn, cùng hòa điệu. Hư từ *cộng* đã làm nổi bật mối giao cảm đặc biệt giữa người và cảnh. Đến đây ta

lại nhớ đến câu thơ trong bài *Sơ nguyệt* của Nguyễn Du :

Nhất đỉnh sương lộ cộng sầu miên

Trước khi Nguyễn Trãi viết những câu thơ như: "*Núi láng giềng, chim bầu bạn - Mây khách khứa, nguyệt anh tam*" (*Thuật hứng XIV*) thì trước đó hơn trăm năm Trần Anh Tông đã viết:

風 為

Tuyệt phong cánh hữu học tiên giả

Thanh phong minh nguyệt tương vi lân

(*Vân Tiêu am*)

(Trên đỉnh núi cao nhất lại có người học đạo tiên - Cùng gió mát trăng trong kết làm láng giềng).

Hư từ *tương* trong câu thơ trên có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xác lập nghĩa cho cả hai câu thơ. Lúc này chữ *tương* đóng vai trò như là "*một sợi dây liên hệ*" nối câu trên và câu dưới. Bên cạnh ý nghĩa ngữ pháp, nó còn có sự liên kết về mặt ngữ nghĩa: con người (tiên giả) hoà hợp với thiên nhiên (thanh phong minh nguyệt) trở thành tri âm tri kỉ.

Trong một câu thơ khác, Trần Nhân Tông viết:

Vân sơn tương viễn cận (Đăng Bảo Đài Sơn)

(Núi như mây, ngọn xa ngọn gần)

Hư từ *tương* ở trường hợp này, đã liên kết hai tính chất của vân sơn là gần xa góp phần tạo dựng một không gian trải dài từ gần cho đến xa.

Bên cạnh các hệ hư từ nêu trên thơ thiên nhiên đời Trần còn sử dụng các hư từ như: *hựu* (又), *tại* (在)

Nguyễn Trung Ngạn, một đêm đậu thuyền ở Kim Lăng Thành đã cảm tác viết

bài *Dạ bạc Kim Lăng Thành* trong đó có câu:

在 在

Nhân tại biển chu nguyệt tại hà

(Người thì ở trong chiếc thuyền hẹp, trăng thì ở trên sông).

Cùng với việc sử dụng hư từ *tại* (在) và lặp chính hư từ ấy, thi nhân muốn nhấn mạnh những điểm tương đồng giữa chủ thể trữ tình với vàng trăng: người cô đơn lạnh lẽo trên sông và trăng cũng vậy. Cảm khái về thân phận cô đơn, hoàn cảnh tha hương được khơi gợi từ chính tương quan giữa các hình ảnh được tạo dựng từ biện pháp lặp hư từ *tại*.

Trong *Xuân nhật kê thượng văn hành* Nguyễn Tử Thành viết:

在 在頭

Nguyệt tại từng sao thủy tại đầu

(Trăng trên ngọn từng, suối đầu nguồn)

Trong câu thơ này phép lặp hư từ *tại* đã "*cố định vị trí*" hai không gian mang tính đối lập. Tuy nhiên với sự liên kết nội tại (do hiệu quả của phép đối, phép lặp mà hư từ *tại* đóng vai trò quan trọng) giữa các hình ảnh người đọc vẫn hình dung ra được bức tranh thiên nhiên có tính chỉnh thể rất cao.

Đặc biệt trong thơ thiên nhiên đời Trần sử dụng rất nhiều hư từ *hựu* (又): (lại)

Cô đăng minh hựu diệt

(*Hoàng Giang dạ vũ* - Nguyễn Phi Khanh)

Hư từ *hựu* trong câu thơ này được sử dụng độc đáo. Nó thể hiện sự lặp lại của hai trạng thái sáng - mờ của ánh đèn cô đơn. Như đã nói ở trước hình ảnh "*cô đăng*" biểu trưng cho hình ảnh thi nhân. Qua đó giúp cho người đọc có thể hình dung ra được hình ảnh của một cô nhân đang thao thức suốt canh trường vì những trăn trở về giấc mộng hải hồ chưa thoả chí. Đây chẳng phải là thủ

pháp "hoạ vân xuất nguyệt" quen thuộc trong Đường thi đó sao?

(xem tiếp trang 45)

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

SỐ PHẬN CỦA NHỮNG "TỪ LẠ"

NGUYỄN ĐỨC DÂN
(GS.TS, Tp Hồ Chí Minh)

Ngôn ngữ luôn luôn biến đổi, thường xuyên xuất hiện những từ lạ - những từ ngữ không bình thường. Theo thời gian, nhiều từ sẽ mất đi nhưng cũng có những từ trở thành thông thường.

Có 3 lớp từ lạ đáng lưu ý.

1. Những khái niệm mới

Xã hội luôn luôn biến đổi nên thường xuyên xuất hiện những từ ngữ chỉ những khái niệm mới lạ. Hàng năm, những nhà xuất bản lớn luôn luôn có những từ điển những từ ngữ mới xuất hiện trong năm. Nhưng nhiều khi vừa in xong thì ngay trong năm đó lại xuất hiện những từ rất mới nữa. Ví dụ quyển *Oxford Dictionary of English NewWords.pdf* (lần thứ hai) của Oxford University Press, xuất bản năm 2003 nhưng lại không có từ *yuppie*, một từ xuất hiện năm 2003 và được tạo thành từ 4 từ: *young*, *urban* (ở thành phố), *professional* (có chuyên môn), *hippie* (có tham vọng và một chút nổi loạn). Khái niệm này đã được thảo luận trên *Diễn đàn thanh niên thế giới* (Voice of Youth).

Nhiều từ ngữ lạ bị thời gian đào thải nhưng cũng nhiều từ ngữ tồn tại mãi làm vốn từ của chúng ta tăng lên, phong phú lên.

Những từ ngữ lạ xưa như trái đất là những từ liên quan tới những khái niệm khoa học. Một từ mới được đặt ra cho một khái niệm khoa học thường được dùng vĩnh viễn. Một nhà khoa học Mỹ phát hiện một loại hạt cơ bản. Trong lúc loay hoay tìm tên đặt cho loại hạt này thì nghe tiếng quạ kêu. Ông bèn gọi

loại hạt này là *quark*. Cái từ mô phỏng tiếng quạ kêu nghe lạ lắm này trở thành một thuật ngữ được dùng luôn trong vật lý lượng tử.

Khi mới xuất hiện, những đơn vị đo lường *kg*, *km*, *ha*, *m*, *cm*...cũng là những từ lạ. Nhiều người không hiểu tại sao lại viết như vậy. Không hiểu thì vẫn phải dùng. Có những nông dân nói: "Nhà tôi có 3 *ha* đất" mà không nói "Nhà tôi có 3 *héc ta* đất". Đơn vị đo diện tích *héc ta* được viết tắt là *ha* là một kí hiệu quốc tế nhưng vẫn là một từ tiếng Việt.

Hiện nay cách viết 300K (với nghĩa là 300.000) trông lạ mắt. Có người cho là tiếng lóng. Thật ra, K là quy ước cho số 1000, theo chữ đầu *k* trong *km* (= 1000 m), *kg* (=1000 gam), *kw* (= 1000 watt)... Số là trong thế kỉ 20, có quy ước cách viết cho máy tính như sau: mỗi ngày, tháng, năm được viết bằng 2 chữ số, chẳng hạn ngày 30 tháng 4 năm 1975 sẽ được viết là 30.04.75. Gần bước sang thiên niên kỉ thứ ba, những chuyên gia tin học trên thế giới rất lo lắng về "sự cố máy tính Y2K", tức là "sự cố máy tính năm 2000". Y2K là viết tắt của *Year 2000*. Lo vì không biết trong một hợp đồng kinh tế, hoặc giờ lại những văn bản ngoại giao, nếu gặp 30.04.75 thì máy sẽ hiểu thế nào? Ngày 30.04.1975 hay ngày 30.04.2075? Thấy cách viết Y2K ngắn gọn, một số nước đã dùng cách viết tắt này, thay vì ba chữ số 0 người ta dùng một chữ K. Quy ước này có hạt nhân hợp lí, nên ngày càng trở nên phổ biến trên thế giới. *Việt Nam không là một ngoại lệ*. Điều gì hợp lí

- TRÒ CHƠI ĐUỐI HÌNH BẤT CHỮ.

Với những hình vẽ sinh động và những liên tưởng bất ngờ, sinh viên sẽ được học các từ ghép, từ láy, các cụm từ cố định của tiếng Việt một cách dễ dàng và đầy hào hứng.

- TRÒ CHƠI Ô CHỮ NGÔN NGỮ HỌC.

Vẫn với các câu hỏi liên quan đến ngữ pháp hoặc từ vựng, sinh viên phải lần lượt giải các ô chữ hàng ngang để cuối cùng tìm ra ô chữ chủ đề. Ví dụ: *Đây là phương thức ngữ pháp quan trọng nhất của tiếng Việt* (trật tự từ); hoặc *Đây là đơn vị trung gian giữa từ và câu* (cụm từ)... Mỗi hàng ngang tìm được sẽ hiện lên một chữ cái có trong ô chữ chủ đề. Sinh viên phải sắp xếp lại theo thứ tự. Ô chữ cuối cùng (của CLB 2010) là tên một GS ngôn ngữ học nổi tiếng – GS *Đỗ Hữu Châu* – nguyên chủ nhiệm khoa Ngữ văn, nguyên chủ nhiệm bộ môn Ngôn ngữ trường ĐHSP, người thầy mà chúng tôi vô cùng yêu quý và tự hào.

- THAM LUẬN NGÔN NGỮ HỌC. Sinh viên viết tham luận phải trải qua một cuộc tuyển chọn trước khi được trình bày chính thức trong CLB. Nhiều tham luận gây bất ngờ cho người dự như tham luận: *Ngôn ngữ tuổi teen* của sinh viên Đặng Thị Ngọc Ly (in ở trang 46).

- KỊCH VUI NGÔN NGỮ. Các vở kịch xoay quanh những nét hài hước trong cách nói năng của người Việt. Sinh viên là người viết kịch bản, đồng thời cũng là diễn viên.

Chúng tôi ngồi tham dự những CLB ấy, nghe thấy những tràng cười sảng khoái, nhìn thấy những gương mặt sáng bừng, những đôi mắt long lanh của các cô cậu học trò, xúc động trước hàng trăm cánh tay giơ lên khi có những câu hỏi dành cho khán giả, cảm nhận rằng môn ngôn ngữ học vẫn có sức hấp dẫn lớn lắm. Với những CLB như thế này, kiến thức ngôn ngữ học đã thấm vào từng sinh viên một cách vô cùng tự nhiên, thoải mái qua một sân chơi đầy ắp tiếng cười. Chúng

tôi mong Hội Ngôn ngữ học Việt Nam sẽ có những sân chơi lớn hơn để sinh viên có cơ hội thể hiện sự hiểu biết và lòng yêu mến tiếng Việt của mình.

(Ban Biên tập nhận bài 23-05-2011)

(NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG....tiếp theo trang 41)

Bên cạnh đó, hư từ *hư* còn nằm trong cấu trúc đối xứng ở các ngữ đoạn trong nội bộ câu thể hiện sự thừa tiếp. Có khi đó là sự thừa tiếp các hình ảnh không gian:

Sơn thanh / thủy lục / (hư) thu quang.

(*Phiếm chu* - Huyền Quang)

Hình ảnh không gian nằm phía sau hư từ *hư* đã bổ sung làm cho bức tranh thiên nhiên với non xanh nước biếc trở nên rộng lớn, khoáng đạt hơn. Từ đó càng đối lập với hình ảnh của con người nhỏ bé, cô đơn (tiểu đỉnh).

Cùng có những tác dụng đó hư từ *hư* trong câu kết của bài *Hoá Thành thần chung* của Nguyễn Phi Khanh càng độc đáo hơn khi nó tạo sự thừa tiếp ở hai hình ảnh nhằm nối kết hai không gian: ở trên cao, ở dưới thấp từ đó tạo dựng không gian mang tính thống nhất:

Nguyệt bạch / (hư) / giang không.

Hơn thế nữa ngoài việc thể hiện sự thừa tiếp của các hình ảnh không gian, hư từ *hư* còn thể hiện sự thừa tiếp trong hành động:

Khan Sơn / khan thủy / (hư) khan vân.

3. Như đã nói ở trên tuy hư từ được dùng có sự hạn chế trong thơ thiên nhiên đời Trần, tuy nhiên khi tác giả đã dùng thì những hư từ ấy đều có giá trị biểu đạt rất cao. Đồng thời qua việc sử dụng hư từ trong thơ cũng góp phần khẳng định tài năng của thi nhân thời Trần. Đó là điều mà Phan Ngọc cũng đã khẳng định: "*Giỏi thơ Đường là giỏi dụng hệ hư từ này chứ không phải giỏi diễn tích, giỏi đối chơi*"

(Ban Biên tập nhận bài ngày 25-11-2010)

Chú thích